TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 122/2024/HS-ST
Ngày 29-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Thân Trọng Khôi
- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Thanh.
Ông Nguyễn Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ ngọc Tĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2024/QĐXXST-HS ngày 15/11/2024 đối với các bị cáo:

1. Bạch Thu T, sinh năm 1990; Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT: Xóm R, xã L, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình.

Nơi tạm trú hiện tại: TDP số 3, thị trấn K, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bạch Công T, sinh năm 1965, con bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969 đều trú tại xóm R, xã L, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình. Gia đình có 02 chị em, bản thân là thứ nhất. Chồng: Nguyễn Tiến H, sinh năm 1990 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013.

Nhân thân:

Quyết định xử phạt hành chính số 445 ngày 30/11/2017 của Công an huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xử phạt T về hành vi đánh bạc (hình thức phạt tiền 1.500.000đ) đã nộp phạt xong ngày 26/12/2017 (BL 494-495).

Quyết định xử phạt hành chính số 43235 ngày 30/9/2020 của Công an huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xử phạt T về hành vi bán dâm (hình thức phạt tiền 200.000đ) đã nộp phạt xong ngày 06/10/2020 (BL 497-498).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Lạng Giang (Có mặt tại phiên toà).

2. Hoàng Văn T1, sinh năm 1993; Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Bản L, xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Văn V, sinh năm 1959, con bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964 đều trú tại Bản L, xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Gia đình có 04 anh em, bản thân là thứ tư. Vợ: Phạm Thị G, sinh năm 1996 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2014. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Lạng Giang (Có mặt tại phiên toà).

3. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1992; Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn 7 L, xã Y, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972, con bà Kiều Thị X, sinh năm 1973 đều trú tại thôn 7 L, xã Yên Phương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Gia đình có 03 anh em, bản thân là thứ nhất. Vợ, con: Chưa có. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 03/7/2024 đến ngày 12/7/2024 được trả tự do, hiện tại ngoại, đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên toà).

4. Nguyễn Văn C, sinh năm 1983; Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT: Số 48 ngõ 448/99 đường H, thị trấn Y, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Nơi tạm trú và nơi ở hiện tại: Thôn A, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1951, con bà Lê Thị N, sinh năm 1954 đều trú tại thôn P, xã Q, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội. Gia đình có 02 chị em, bản thân là thứ hai. Vợ: Nguyễn Thu H, sinh năm 1986 và có 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2019.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại, đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên toà).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Nơi cư trú: TDP số 3, thị trấn K, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1948 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Cầm Thị N, sinh ngày 11/11/2007 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Bản N, xã Q, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Người đại diện cho chị Cầm Thị N, theo quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng: Bà Nguyễn Thị H, Chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

4. Chị Mùi Thị H, sinh ngày 20/7/2006 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Bản N, xã Q, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

5. Chị Mã Thị N, sinh ngày 04/02/2005 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

6. Anh Phan Hồng Đ, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
7. Anh Trương Hữu H, sinh năm 1980 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Thôn B, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
8. Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1981 (vắng mặt);
Nơi cư trú: TDP H, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
9. Anh Vũ Xuân V, sinh năm 1984 (vắng mặt);
Nơi cư trú: TDP Đ, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
10. Chị Vàng Thị O, sinh ngày 02/6/2006 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Thôn A, xã T, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
11. Anh Triệu Văn H, sinh năm 1994 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.
- Người làm chứng:
Ông Vi Văn Ú, sinh năm 1970 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 6/2023, Bạch Thu T, sinh năm 1990, có hộ khẩu thường trú tại xóm R, xã L, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố số 3, thị trấn K, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang được chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1988 trú tại tổ dân phố số 3, thị trấn K, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giao quản lý 01 nhà trọ ở thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang để cho các đối tượng là nữ ở và đi làm nhân viên phục vụ tại các quán karaoke (nhà trọ này là chị H thuê của bà Vũ Thị T, sinh năm 1948 ở thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang). Trách nhiệm của T là trông coi nhà trọ, điều hành nhân viên đi phục vụ tại các quán karaoke khi khách có nhu cầu, thu tiền và trả tiền cho nhân viên khi họ thực hiện xong công việc.

Quá trình được giao quản lý, T và các nhân viên đã tự thoả thuận với nhau về việc khi khách có nhu cầu mua dâm thì T bố trí cho nhân viên bán dâm tại nhà trọ rồi thu tiền của khách với số tiền là 400.000 đồng/01 lần bán dâm. Số tiền này T hưởng 200.000 đồng, còn lại chia cho nhân viên là 200.000 đồng/01 lần bán dâm. Để thực hiện việc quản lý, T yêu cầu các gái bán dâm khi có khách phải báo cho T biết để T theo dõi và phân chia số tiền có được từ việc bán dâm. Ngày 01/7/2024, Hoàng Văn T1, sinh năm 1993 trú tại thôn Bản L, xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (T1 là bạn trai của T), đến ở cùng T. Quá trình ở tại đây, T1 biết T quản lý, điều hành các nhân viên bán dâm tại các phòng trọ và có hành vi giúp sức cho T thực hiện hành vi bán dâm. Cụ thể như sau:

* Vụ thứ nhất:

Khoảng 18 giờ ngày 01/7/2024, khi các nhân viên nữ của Bạch Thu T đang ở phòng trọ tại thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang thì Nguyễn Văn C, sinh năm 1983, nơi thường trú: số 48, ngõ 448/99, đường H, thị trấn Y, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú thôn A, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cùng Phan Hồng Đ, sinh năm 1992, ở thôn H, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và Trương

Hữu H, sinh năm 1980, ở thôn B, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đi xe taxi đến mua dâm. Tại đây, Đ hỏi nhân viên nữ là Cầm Thị N, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2007 ở Bản N, xã Q, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La "nhà có nhân viên không" thì N trả lời "có" nên C, Đ và H đi vào khu nhà trọ. Thấy có khách đến mua dâm, N điện thoại cho T thì được biết T đang ở nhà trọ ở TDP số 3, TT K, huyện Lạng Giang nên N đi xe mô tô đến thông báo cho T biết thì gặp T và T1 ở đó. Sau đó, T1 chở N quay lại nhà trọ ở thôn K, xã H, còn các gái bán dâm là Vàng Thị O, sinh ngày 02/6/2006 và Mã Thị N, sinh ngày 04/02/2005 cùng ở thôn A, xã T, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tự đi xe mô tô đến sau. T1 chở N về đến nhà trọ ở thôn K, xã H thì thấy C, Đ và H đang ngồi ở ghế cạnh bàn uống nước nói chuyện với các nhân viên, T1 nói "Đây toàn là nhân viên nhà em, các anh đi chơi đi" (ý nói chọn nhân viên để mua dâm). Thấy C, Đ và H chưa chọn nhân viên, T1 tiếp tục nói "các anh đi đi" để thúc giục C, Đ và H chọn nhân viên để mua dâm thì C chọn Mùi Thị H, sinh ngày 20/7/2006 ở Bản N, xã Q, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; Đ chọn Mã Thị N, sinh ngày 04/02/2005 ở thôn A, xã T, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, còn H chọn một nữ nhân viên tên Khé (chưa xác định được tên tuổi, năm sinh và địa chỉ) rồi vào 03 phòng của nhà trọ để thực hiện hành vi mua, bán dâm. Sau khi vào phòng, C, Đ và H thoả thuận với H, N và Khé số tiền mua dâm là 400.000 đồng/01 lượt/ 1 người rồi thực hiện hành vi quan hệ tình dục với nhau. Sau khi mua, bán dâm xong C trả cho H số tiền 500.000 đồng (gồm 400.000 đồng tiền mua dâm, 100.000 đồng tiền cho riêng H), Đ và H mỗi người trả 400.000 đồng tiền mua dâm cho N và Khé. Sau đó, H, N và Khé đưa tiền cho T thì được T chia cho mỗi người 200.000 đồng theo thoả thuận.

* Vụ thứ hai:

Khoảng hơn 15h ngày 03/7/2024, T, T1 cùng một số nhân viên đang ở nhà trọ tại thôn K, xã H thì có Hoàng Văn Q, sinh năm 1981 ở tổ dân phố H, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; Vũ Xuân V, sinh năm 1984 ở tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang và Triệu Văn H, sinh năm 1994 ở thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đi đến đặt vấn đề mua dâm. Q bảo T "cho hai vé" (ý nói cho hai nhân viên để mua dâm), T đồng ý và nói cho cho Q biết giá 02 vé mua dâm là 600.000 đồng. Sau khi thoả thuận, Q sử dụng tài khoản 0373352130 của Q đăng ký tại ngân hàng MB Quân đội chuyển số tiền 600.000 đồng đến tài khoản ngân hàng Techcombank số 8328016688 của T để thanh toán. Thanh toán xong, T bảo Q và V chọn nhân viên thì Q chọn Mã Thị N, sinh ngày 04/02/2005, V chọn Vàng Thị O, sinh ngày 02/6/2006 cùng ở thôn A, xã T, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai rồi vào 02 phòng của nhà trọ để thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Sau khi V và Q cùng nhân viên vào phòng thì H bảo T "cho 01 vé" (ý nói là cho một nhân viên để mua dâm), rồi đưa cho T số tiền 500.000 đồng thì được T trả lại số tiền 200.000 đồng. Sau đó, H chọn gái bán dâm là Cầm Thị N, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2007 ở Bản N, xã Q, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La rồi cùng vào một phòng của dãy nhà trọ. Sau khi vào phòng, N tự cởi quần áo nhưng H thấy N còn trẻ, H cho rằng N chưa đủ tuổi thành niên nên H từ bỏ ý định mua dâm, không quan hệ tình dục mà yêu cầu N mặc lại quần áo và đấm lưng, masege cho mình.

Tiếp sau đó Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 trú tại thôn 7 L, xã Y, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đi xe mô tô đến. Tại đây, T nói với Mùi Thị H, sinh ngày 20/7/2006 ở

Bản N, xã Q, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La "có đi không" (ý hỏi có bán dâm cho T không). H đồng ý và dẫn T vào 01 phòng ở dãy nhà trọ để quan hệ tình dục. Sau khi vào phòng, T hỏi H giá mua dâm, thì được H cho biết giá mua dâm là 400.000 đồng /1 lần mua dâm. T đồng ý rồi cùng H đóng chốt cửa lại để thực hiện hành vi quan hệ tình dục (T chưa trả tiền mua dâm).

Các đối tượng thực hiện hành vi mua, bán dâm đến khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an huyện Lạng Giang tiến hành kiểm tra, phát hiện bắt quả tang các đôi Q - N; V - O, T -H đang quan hệ tình tình dục, còn N đang mặc quần áo đấm lưng, masege cho H. Tổ công đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ các tang vật liên quan đồng thời tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định vị trí các phòng các đối tượng mua bán dâm (vẽ sơ đồ phòng, đánh số phòng theo thứ tự từ 01 đến 04), cụ thể như sau:

- Tại phòng số 01 của dãy nhà trọ: Các đối tượng Nguyễn Văn T2 và Mùi Thị H đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục (mua, bán dâm). Thu giữ 02 bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu "SURE" và 01vỏ bao cao su nhãn hiệu "HA"; 01 căn cước của Nguyễn Văn T2, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng nhạt, số IMEI 350777730892717 của Mùi Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh tím, số IMEI 865071042087812 của Nguyễn Văn T2.

- Tại phòng số 02 của dãy nhà trọ: Các đối tượng Triệu Văn H và Cầm Thị N đang tẩm quất massage không quan hệ tình dục (không mua, bán dâm). Không phát hiện thu giữ đồ vật tài sản gì.

- Tại phòng số 03 của dãy nhà trọ: Các đối tượng Hoàng Văn Q và Mã Thị N đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục (mua, bán dâm). Thu giữ 02 bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su màu xanh không rõ nhãn hiệu; 01 điện thoại Iphone 12 Promax màu xanh đen có IMEI: 35678892883450222227 của Mã Thị Nga; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A58 màu xanh, số IMEI 864818062004833 của Hoàng Văn Q.

- Tại phòng số 04 của dãy nhà trọ: Các đối tượng Vũ Xuân V và Vàng Thị O đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục (mua, bán dâm). Thu giữ 01 bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu "HA ULTRA THIN".

Thu giữ của Bạch Thu T số tiền 11.380.000 đồng (trong đó có 300.000 đồng là tiền khách mua dâm H trả cho T); 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu xám đen bị vỡ lưng điện thoại, số IMEI 351572593890257.

Thu giữ của Hoàng Văn T1 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A34 màn hình bị hư hỏng một phần, số IMEI 357260751563056/01.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạng Giang ra Lệnh khám xét khẩn cấp số 295/LKX-ĐCSHS tại nhà trọ thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, kết quả: thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Ariblade, màu xanh - bạc, biển kiểm soát: 88F1 - 535.12, số khung 4109LZ031745, số máy KF41E0085729 của Nguyễn Văn T2 (BL94-95).

Ngày 10/7/2024, Nguyễn Văn C đến đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Lạng Giang về hành vi mua dâm đối với Mùi Thị H, sinh ngày 20/7/2006 ở Bản N, xã Q, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (BL 258; 279; 293).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành phân tích dữ liệu camera an ninh của nhà trọ được trích xuất, thu giữ, kết quả xác định: Ngày 01/7/2024: thời gian 18

giờ 25 phút có 03 nam giới đến nhà trọ tìm gái mua dâm và T1 giới thiệu nhân viên với 03 nam giới, thúc giục 03 nam giới mua dâm và gái bán dâm thực hiện việc mua bán dâm; Ngày 03/7/2024 có 03 nam giới đến mua dâm và thoả thuận giá cả mua dâm với T, còn T1 ngồi xem điện thoại không nói gì, lúc sau có 01 nam giới đến quán trọ trực tiếp đến chỗ gái mua dâm và thoả thuận mua dâm riêng với gái bán dâm (BL134 -136).

Kết quả điều tra xác định, gái bán dâm là Mùi Thị H, sinh ngày 20/7/2006 thực hiện hành vi bán dâm cho Nguyễn Văn C (ngày 01/7/2024); bán dâm cho Nguyễn Văn T2 (ngày 03/7/2024), có độ tuổi là 17 tuổi 11 tháng 11 ngày và 17 tuổi 11 tháng 13 ngày, nên Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T2 phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 329 Bộ luật Hình sự.

Tại Kết luận giám định số 2429/24/KLTDTE– TTPY ngày 17/7/2024 của Trung tâm pháp y bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, kết luận giám định tình dục của Mùi Thị H kết luận (BL 382 -383): Màng trinh: Màng trinh giãn rộng, vết rách cũ màng trinh vị trí 01 giờ, 05 giờ, 07 giờ; Không thấy tinh trùng trong dịch âm đạo; Hiện tại Mùi Thi H không có thai.

Tại Kết luận 2430/24/KLTDTE - TTPY và ngày 17/7/2024 của Trung tâm pháp y bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, kết luận giám định tình dục của Cầm Thị N kết luận (BL 382 -383): Màng trinh: Màng trinh giãn rộng, vết rách cũ vị trí 06 giờ; Không thấy tinh trùng trong dịch âm đạo; Hiện tại Cầm Thị N không có thai.

Tại Kết luận giám định ADN số: HT 375.24/PY - XNSH ngày 22/07/2024 của Cục pháp y Quân đội, kết luận (BL 390-391):

"*1. Dấu vết trên 02 bao cao su thu giữ tại phòng T2 và H quan hệ tình dục có sinh phẩm của người, có ADN nhiễm sắc thể thường trùng khớp với ADN nhiễm sắc thể thường từ mẫu tóc của Mùi Thị H.*

2. Không phát hiện ADN nhiễm sắc thể Y từ dấu vết trên tăm bông thu mẫu dịch âm đạo của Mùi Thị H và Cầm Thị N gửi giám định".

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T2 có dấu hiệu của bệnh tâm thần, Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với bị cáo T2. Kết luận giám định pháp y tâm thần số 144/24/KLGĐ ngày 09/10/2024 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc, kết luận (BL 239-240):

"*1. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1992, ở L, Y, Yên Lạc, Vĩnh Phúc không bị tâm thần.*

2. Thời điểm thực hiện hành vi mua dâm người dưới 18 tuổi ngày 03/7/2024 Nguyễn Văn T2 không bị tâm thần. Nguyễn Văn T2 đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

3. Hiện tại (tại thời điểm giám định) Nguyễn Văn T2 không bị bệnh tâm thần. Nguyễn Văn T2 đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi".

Quá trình điều tra xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng nhạt, số IMEI 350777730892717 của Mùi Thị H; 01 điện thoại 12 Promax màu xanh đen có IMEI: 356788928834502222 27 của Mã Thị N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A58 màu xanh, số IMEI 864818062004833 của Hoàng Văn Q không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 25/10/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạng Giang đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 1542 trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Cáo trạng số 119/CT-VKS ngày 14 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang truy tố bị cáo Bạch Thu T về tội "Chứa mại dâm" theo điểm c, d, đ khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Truy tố Hoàng Văn T1 về tội "Chứa mại dâm" theo điểm c, đ khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Truy tố Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn C đều về tội "Mua dâm người dưới 18 tuổi" theo khoản 1 Điều 329 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Các bị cáo khai như đã khai tại cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Các bị cáo khẳng định việc các bị cáo khai tại cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, không hề bị cưỡng bức, đánh đập, ép buộc hay bị bức cung hoặc dùng nhục hình.

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu luận tội và buộc tội, vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố. Xác định lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và tại phiên tòa hôm nay đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng. Phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội, Biên bản bắt người phạm tội quản tang, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, sơ đồ và bản ảnh hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định. Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Căn cứ vào điểm c, d, đ khoản 2 khoản 5 Điều 327, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử: Phạt bị cáo Bạch Thu T từ 05 năm 06 háng đến 06 năm tù về tội "Chứa mại dâm". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/7/2024. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

* Căn cứ vào điểm c, đ khoản 2 khoản 5 Điều 327, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử: Phạt bị cáo Hoàng Văn T1 từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội "Chứa mại dâm". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/7/2024. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T1 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

* Căn cứ vào khoản 1 khoản 4 Điều 329, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử: Phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Mua dâm người dưới 18 tuổi", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/11/2024. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T2 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

* Căn cứ vào khoản 1 khoản 4 Điều 329, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử: Phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Mua dâm người dưới 18 tuổi", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/11/2024. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo C 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước. Ngoài ra còn đề nghị xử lý tiền thu lợi bất chính, vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Các bị cáo Bạch Thu T, Hoàng Văn T1, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn C đều có không có ý kiến tranh luận gì đối với bản luận tội và buộc tội mà vị đại diện viện kiểm sát vừa công bố, mà đều nói lời sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật mong HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Lạng Giang, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[1.1] Tại phiên toà hôm nay: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên xét thấy trong hồ sơ đã có lời khai của những người này, nội dung khai rất rõ ràng, vì vậy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] Căn cứ lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai Người làm chứng. Phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội, Biên bản bắt người phạm tội quản tang, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, Biên bản hiện trường, bản ảnh hiện trường, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng tháng 6/2023, Bạch Thu T được chị Nguyễn Thu H giao quản lý 01 nhà trọ ở thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang để cho các đối tượng là nữ ở và đi làm nhân viên phục vụ tại các quán karaoke khi khách có nhu cầu. Quá trình được giao quản lý, T và các nhân viên đã tự thống nhất với nhau để các nhân viên thực hiện hành vi bán dâm tại khu nhà trọ với số tiền là 400.000 đồng/01 lần bán dâm, cụ thể:

[2.1.1] Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 01/7/2024, T có hành vi sử dụng nhà trọ do mình quản lý cho gái bán dâm là Mùi Thị H, sinh ngày 20/7/2006 (17 tuổi 11 tháng 11 ngày) bán dâm cho Nguyễn Văn C; Mã Thị N, sinh ngày 04/02/2005 bán dâm cho Phan Hồng Đ và đối tượng gái bán dâm tên Khé (không xác định được nhân thân) bán dâm cho Trương Hữu H thu tổng số tiền 1.200.000 đồng, T hưởng lợi số tiền 600.000 đồng, chia cho các đối tượng gái bán dâm mỗi người 200.000 đồng.

[2.1.2] Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/7/2024, T có hành vi sử dụng nhà trọ do mình quản lý cho các đối tượng gái bán dâm là Mùi Thị H, sinh ngày 20/7/2006 (17 tuổi 11 tháng 13 ngày) bán dâm cho Nguyễn Văn T2; Mã Thị N bán dâm cho Hoàng Văn Q; Vàng Thị O bán dâm cho Vũ Xuân V; Cầm Thị N bán dâm cho Triệu Văn H, thu tổng số tiền 900.000 đồng nhưng chưa kịp chia cho các gái bán dâm thì bị bắt quả tang.

[2.1.3] Hoàng Văn T1 (là bạn trai T), trong quá trình ở cùng với T biết việc T sử dụng nhà trọ do T quản lý thực hiện hành vi chứa mại dâm; T1 có hành vi giúp sức cho T thực hiện hành vi chứa mại dâm ngày 01/7/2024 đối với 03 đôi mua, bán dâm. Trong

đó, Mùi Thị H khi thực hiện hành vi bán dâm là người chưa đủ 18 tuổi (17 tuổi 11 tháng 11 ngày).

[2.1.4] Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn T2 có hành vi mua dâm đối với Mùi Thị H, sinh ngày 20/7/2006 là người chưa đủ 18 tuổi (C mua dâm ngày 01/7/2024, khi H 17 tuổi 11 tháng 11 ngày; T2 mua dâm ngày 03/7/2024, khi H 17 tuổi 11 tháng 13 ngày).

[2.2] Khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự quy định:

"*1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*".

Điểm c, d, đ Khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự, quy định:

"*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:*

....

c) Phạm tội 2 lần trở lên;

d) Chứa mại dâm 04 người trở lên;

đ) Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi".

[2.3] Khoản 1 Điều 329 Bộ luật Hình sự, quy định:

"*1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mua dâm người dưới 18 tuổi trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 142 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*"

[2.4] Như vậy, HĐXX xét thấy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bạch Thu T phạm tội "Chứa mại dâm" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, d, đ khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Văn T1 phạm tội "Chứa mại dâm" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn C đều phạm tội "Mua dâm người dưới 18 tuổi" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 329 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến an toàn công cộng và trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, trong lĩnh vực quản lý nhà nước về phòng chống mại dâm. Từ mại dâm sẽ làm tiêu tốn tiền bạc, tan vỡ hạnh phúc gia đình, ảnh hưởng đến đạo đức, lối sống lành mạnh, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc dân tộc, danh dự nhân phẩm của con người. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm đến pháp luật của nhà nước về phòng chống mại dâm, mà còn gây mất an ninh, trật tự xã hội ở địa phương, bị quần chúng nhân dân bất bình lên án. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Do đó cần xử lý đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về tính chất, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án chứa mại dâm có đồng phạm mang tính giản đơn.

[3.1] Bị cáo T là trực tiếp sử dụng nhà trọ do mình quản lý để chứa mại dâm, thu tiền của khách mua dâm, cùng ăn chia tiền thu lợi bất chính này với gái bán dâm, nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo T1 là người giúp sức cho bị cáo T, tích cực thực hiện tội phạm nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[3.2] Các bị cáo Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn C thực hiện tội phạm một cách độc lập, do bột phát, nên giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Bị cáo T là người có nhân thân xấu, đã 01 lần bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc và 01 lần bị xử phạt hành chính về hành vi bán dâm, nhưng đến nay được coi là đã chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính. Các bị cáo T1, T2, C đều là những người có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự.

[4.2] Về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội ngoài tình tiết định khung hình phạt, thì không có tình tiết nào làm tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bạch Thu T, quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo ăn năm hối cải. Các bị cáo Hoàng Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn C bản thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Sau khi phạm tội bị cáo C đã ra đầu thú. Bị cáo T1 có ông ngoại được tặng Huân huy chương hạng nhì vì có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo C có bố đẻ được tặng thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang, bằng khen, giấy khen đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua trong quá trình tham gia quân đội nhân dân Việt Nam.

[4.4] Từ những tình tiết nêu trên, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T và bị cáo T1. Áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T2 và bị cáo C, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình. Để bị cáo T, bị cáo T1 sớm có điều kiện trở về làm ăn lương thiện cùng với gia đình. Bị cáo T2 và bị cáo C phạm tội độc lập, do bột phát, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải bắt bị cáo T2 và bị cáo C cách ly khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo T2 và bị cáo C cải tạo tại địa phương cũng để điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành con người làm ăn lương thiện.

[5] Về mức hình phạt: Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên toà đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Xử phạt bị cáo T1 từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Xử phạt các bị cáo T2, C mỗi bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Phạt bổ sung bằng tiền mỗi bị cáo 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước. HĐXX xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cần chấp nhận để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T, bị cáo T1 chứa mại dâm nhằm mục đích thu lời bất chính. Bị cáo T2, bị cáo C mua dâm người dưới 18 tuổi. Nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T và T1; áp dụng khoản 4 Điều 329 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T2 và C. Phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo T, T1, T2, C, mỗi bị cáo 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

[7] Về tiền thu lợi bất chính và vật chứng:

[7.1] Khi phạm tội ngày 01/7/2024 bị cáo T đã hưởng lợi 600.000đ. Ngày 03/7/2024 bị cáo T thu lợi bất chính 900.000đ, trong đó có 600.000đ người mua dâm chuyển vào tài khoản của bị cáo T, còn 300.000đ người mua dâm trả trực tiếp cho bị cáo T. Khi bắt quả tang cùng ngày 03/7/2024 đã thu giữ của bị cáo T 11.380.000đ, trong đó có 300.000đ tiền người mua dâm trả, bị cáo T chưa kịp chia tiền thu lợi bất chính này cho gái bán dâm. Do vậy cần tịch thu sung công quỹ nhà nước 300.000đ tiền

bị cáo T thu lợi bất chính, buộc bị cáo T phải nộp lại tổng cộng là 1.200.000đ tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước. Số tiền 11.080.000đ còn lại là tiền riêng của bị cáo T không liên quan đến vụ án, nên cần trả lại cho bị cáo T, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7.2] Đối với 02 bao cao su đã qua sử dụng thu giữ trong phòng Q và N quan hệ tình dục. Được niêm phong theo quy định trong phong bì thư bên ngoài có chữ "bao cao su P3" và đóng hình dấu của Công an xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. 02 vỏ bao cao su mầu xanh không rõ nhãn hiệu thu giữ trong phòng nơi Q và N quan hệ tình dục. Được niêm phong theo quy định trong phong bì thư có chữ "vỏ bao cao su P3" và đóng hình dấu của Công an xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. 01 bao cao su đã qua sử dụng đang đeo trên dương vật của V khi bị bắt quả tang. Được niêm phong theo quy định trong phong bì thư bên ngoài có chữ "bao cao su P4" và đóng hình dấu của Công an xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu "HA ULTRA THIN" thu giữ tại thùng rác trong phòng nơi V và O quan hệ tình dục. Được niêm phong theo quy định trong phong bì thư có chữ "vỏ bao cao su P4" và đóng hình dấu của Công an xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Đây là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

[7.3] Đối với 01 Căn cước công dân, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme mầu xanh tím, số IMEl 865071042087812, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Ariblade mầu xanh-bạc, Biển kiểm soát 88F1-535.12, số khung 4109LZ031745, số máy KF41E0085729. Đây là tài sản riêng của bị cáo T2, không sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại bị cáo T2 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7.4] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mầu xám đen bị vỡ lưng điện thoại, số IMEl 351572593890257. Đây là tài sản riêng của bị cáo T, không sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại bị cáo T, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7.5] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A34 màn hình bị hư hỏng một phần, số IMEl 357260751563056/01. Đây là tài sản riêng của bị cáo T1, không sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại bị cáo T1 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Các vấn đề khác:

[8.1] Đối với anh Triệu Văn H có hành vi thoả thuận mua dâm với gái bán dâm là chị Cầm Thị N (chưa đủ 18 tuổi) nhưng anh H đã tự mình chấm dứt việc mua dâm vì cho rằng chị N chưa đủ 18 tuổi mà không có gì ngăn cản, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với H về hành vi này. HĐXX xét thấy là phù hợp.

[8.2] Đối với Hoàng Văn Q, Vũ Xuân V, Phan Hồng Đ và Trương Hữu H có hành vi mua dâm đối với các gái bán dâm là Vàng Thị O, Mã Thị N, Mùi Thị H, Cơ quan điều tra đã chuyển toàn bộ hồ sơ có liên quan đến Công an huyện Lạng Giang để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. HĐXX xét thấy là phù hợp.

[8.3] Đối với chị Nguyễn Thu H là người giao cho Bạch Thu T quản lý nhà trọ và nhân viên phục vụ quán karaoke; bà Vũ Thị T là cá nhân có nhà, cho thuê nhà nhưng chị H và bà T đều không biết việc T chỉ đạo các đối tượng gái bán dâm thực hiện hành vi bán dâm tại nhà trọ, nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không đề cập xử lý đối với chị H và bà T. HĐXX xét thấy là phù hợp.

[8.4] Đối với đối tượng gái bán dâm tên Khé, quá trình điều tra chỉ xác định được Khé quê ở tỉnh Hà Giang, mới đến chỗ bị cáo T làm việc từ ngày 30/6/2024, chưa cung cấp giấy tờ nhân thân. Ngày 03/7/2024, khi Cơ quan điều tra bắt quả tang tại khu nhà trọ của bị cáo T không có mặt Khé ở đó. Kết quả xác minh không xác định được Khé hiện ở đâu, không làm việc được với Khé, nên Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để điều tra làm rõ. HĐXX xét thấy là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

* Căn cứ vào điểm c, d, đ khoản 2 khoản 5 Điều 327, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Điều 292, 299, 326, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử: Phạt bị cáo Bạch Thu T 06 (sáu) năm tù về tội "Chứa mại dâm". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/7/2024. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

* Căn cứ vào điểm c, đ khoản 2 khoản 5 Điều 327, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Điều 292, 299, 326, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử: Phạt bị cáo Hoàng Văn T1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Chứa mại dâm". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/7/2024. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T1 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

* Căn cứ vào khoản 1 khoản 4 Điều 329, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Điều 292, 299, 326, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử: Phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua dâm người dưới 18 tuổi", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/11/2024. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T2 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo T2 cho UBND xã Y, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

- Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

- Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

- Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

- Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

* Căn cứ vào khoản 1 khoản 4 Điều 329, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Điều 292, 299, 326, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử: Phạt bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua dâm người dưới 18 tuổi", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/11/2024. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo C 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo C cho UBND xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

- Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

- Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

- Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

- Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

2. Về số tiền thu lợi bất chính và vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 02 bao cao su đã qua sử dụng thu giữ trong phòng Q và N quan hệ tình dục. Được niêm phong theo quy định trong phong bì thư bên ngoài có chữ "bao cao su P3" và đóng hình dấu của Công an xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. 02 vỏ bao cao su mầu xanh không rõ nhãn hiệu thu giữ trong phòng nơi Q và N quan hệ tình dục. Được niêm phong theo quy định trong phong bì thư có chữ "vỏ bao cao su P3" và đóng hình dấu của Công an xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. 01 bao cao su đã qua sử dụng đang đeo trên dương vật của V khi bị bắt quả tang. Được niêm phong theo quy định trong phong bì thư bên ngoài có chữ "bao cao su P4" và đóng hình dấu của Công an xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu "HA ULTRA THIN" thu giữ tại thùng rác trong phòng nơi V và O quan hệ tình dục. Được niêm phong theo quy định trong phong bì thư có chữ "vỏ bao cao su P4" và đóng hình dấu của Công an xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 300.000đ tiền bị cáo Bạch Thu T thu lợi bất chính. Buộc bị cáo Bạch Thu T phải nộp lại 1.200.000đ tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước.

Hoàn trả bị cáo Bạch Thu T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mầu xám đen bị vỡ lưng điện thoại, số IMEl 351572593890257. Cùng 11.080.000đ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Hoàn trả bị cáo Nguyễn Văn T2 01 Căn cước công dân, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme mầu xanh tím, số IMEl 865071042087812, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Ariblade mầu xanh-bạc, Biển kiểm soát 88F1-535.12, số khung 4109LZ031745, số máy KF41E0085729. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Hoàn trả bị cáo Nguyễn Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A34 màn hình bị hư hỏng một phần, số IMEl 357260751563056/01. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Bạch Thu T, Hoàng Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Công an huyện Lạng Giang;
- Trại tạm giam;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Thân Trọng Khôi